

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

-----\*\*\*-----

MAI VŨ DŨNG

**NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC  
NHO GIÁO VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX**

Chuyên ngành: Đạo đức học

Mã số: 62.22.03.06

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC**

**HÀ NỘI - 2016**

Công trình khoa học được hoàn thành tại:  
Học Viện Khoa học Xã hội  
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Vũ Trọng Dung  
PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

Phản biện 1: GS. TS. Nguyễn Hùng Hậu

Phản biện 2: GS. TS. Nguyễn Văn Tài

Phản biện 3: PGS. TS. Phạm Văn Nhuận

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp  
Học viện họp tại:.....  
Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 201.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- Trung tâm Thông tin - Thư viện Học Viện Khoa học Xã hội.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nho giáo nói chung và đạo đức Nho giáo nói riêng đã, đang và sẽ là đề tài được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Bởi vì, Nho giáo là hệ tư tưởng thống trị trong xã hội phong kiến. Ở Việt Nam chế độ phong kiến đã bị xoá bỏ từ lâu, nhưng nhiều yếu tố giá trị và hạn chế của Nho giáo vẫn còn tồn tại. Các học giả ở cả phương Đông và phương Tây đã để lại hàng kho sách nghiên cứu đánh giá về Nho giáo nói chung, tư tưởng đạo đức của Nho giáo nói riêng. Vì vậy, đứng trước di sản khổng lồ ấy không thể bỏ qua ý kiến của những người đi trước, nhưng cần phải có cái nhìn mới khi toàn bộ vấn đề được đặt dưới ánh sáng của thế giới quan khoa học và tình hình thực tiễn của thời đại, đặc biệt là nửa cuối thế kỷ XIX với những biến động lớn của xã hội Việt Nam, đạo đức Nho giáo đã có những thay đổi nhất định trên nhiều phương diện.

Ở Việt Nam, nghiên cứu Nho giáo là vấn đề rất rộng, phức tạp và khó khăn, nên chúng tôi chỉ nghiên cứu một khía cạnh đó là những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã len vào mọi ngóc ngách của cuộc sống hiện đại, vấn đề suy thoái đạo đức đã đến mức khá nghiêm trọng, khiến nhiều người phải giật mình, đòi hỏi chúng ta phải nhìn lại để giữ gìn những giá trị đạo đức truyền thống. Đó là những giá trị căn bản, trường tồn, trong đó có vai trò của đạo đức Nho giáo. Vì vậy, chúng ta phải đánh giá một cách khách quan và chính xác nội dung đạo đức Nho giáo ở Việt Nam, để đạo đức Nho giáo không những có giá trị lý luận, mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Về mặt lý luận: Sự thay đổi tư tưởng đạo đức Nho giáo thời kỳ này chưa được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Vì vậy, với đề tài nghiên cứu này chúng tôi muốn làm sáng tỏ nguyên nhân, tính chất và những nội dung thay đổi tư tưởng đạo đức Nho giáo, đặc biệt là sự thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, góp phần nghiên cứu nhằm làm rõ thêm lịch sử tư tưởng đạo đức Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: Qua nghiên cứu những nội dung thay đổi tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX góp phần rút ra ý nghĩa về sự thay đổi các chuẩn mực đạo đức khi xã hội đã có những thay đổi lớn khác biệt so với nhiều thế kỷ trước. Đặc biệt, với những biến động lớn của thời đại và của xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, đạo đức Nho giáo trong đó chủ yếu là những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa.

Vì vậy, nghiên cứu Nho giáo thời kỳ này để thấy những điểm tương đồng và khác biệt về đạo trung - hiếu - nghĩa của các nhà Nho, tầng lớp trí thức đương thời. Vẫn còn đó quan niệm trung - hiếu - nghĩa, nhưng vấn đề ở chỗ nó đã đó có những thay đổi như thế nào? Có nhiều nhà Nho trong tư tưởng của mình đã có những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - nghĩa khi không chấp nhận sự lên ngôi của vua Đồng Khánh, mà chỉ đi theo tiếng gọi yêu nước của vua Hàm Nghi. Vậy trung - nghĩa ở đây cần được hiểu như thế nào? Có phải trong thời kỳ này quan

niệm thời thế thay đổi đang đặt ra những thách thức lớn đối với đạo đức truyền thống của Nho giáo. Xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX có những thay đổi cơ bản so với các thời kỳ phong kiến trước đó. Đây là thời kỳ thực dân Pháp xâm lược nước ta, cách thức xâm lược của thực dân Pháp về cơ bản là khác lạ so với sự xâm lược của phong kiến phương Bắc hàng ngàn năm trước. Chính sự khác biệt này đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu từ trước tới nay về sự thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo thời Nguyễn. Việc nghiên cứu tư tưởng đạo đức của Nho giáo để có thể hiểu được những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của nhiều nhà Nho cùng thời. Nửa cuối thế kỷ XIX là một giai đoạn lịch sử không dài, chỉ khoảng trên dưới 40 năm nhưng có nhiều biến động trong đời sống tư tưởng ở Việt Nam, trong đó có một số thay đổi trong tư tưởng đạo đức của Nho giáo có ý nghĩa báo hiệu, chuẩn bị cho sự thay đổi, chuyển biến mạnh mẽ hơn vào đầu thế kỷ sau. Vì vậy, nghiên cứu những thay đổi tư tưởng đạo đức của Nho giáo nửa cuối thế kỷ XIX có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Như vậy, việc tìm hiểu những thay đổi trong đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX là cần thiết, nhất là sự ảnh hưởng của nó đối với các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc. Nghiên cứu đề tài này, chúng tôi mong muốn tìm ra những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đồng thời làm sáng tỏ thêm giá trị và ý nghĩa thực tiễn trong lịch sử và thời đại ngày nay. Với lý do như trên, tôi chọn vấn đề "*Những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX*" làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ triết học của mình.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

### **2.1. Mục đích**

Từ việc hệ thống, phân tích, đánh giá và làm rõ những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam mà chủ yếu trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa cuối thế kỷ XIX. Luận án, bước đầu đánh giá tính chất và nội dung những thay đổi trong quan niệm trung - hiếu - nghĩa. Đồng thời rút ra ý nghĩa những thay đổi quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của đạo đức Nho giáo đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX và giai đoạn hiện nay.

### **2.2. Nhiệm vụ**

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

*Thứ nhất*, trình bày khái quát về đạo đức Nho giáo, đạo đức Nho giáo Việt Nam và nguyên nhân những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

*Thứ hai*, trình bày, phân tích, đánh giá những thay đổi cơ bản tư tưởng đạo đức Nho giáo mà tập trung chủ yếu trong sự thay đổi quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa cuối thế kỷ XIX qua một số nhà Nho tiêu biểu ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

*Thứ ba*, trình bày ý nghĩa những thay đổi quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa trong tư tưởng đạo đức Nho giáo đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX và xã hội Việt Nam hiện nay.

### **3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu**

#### **3.1. Phạm vi nghiên cứu**

Tư tưởng đạo đức của Nho giáo nói chung và Nho giáo Việt Nam nói riêng, bao gồm nhiều nội dung với nhiều phạm trù, nhiều quan điểm khác nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, quan niệm về đạo trung đạo hiếu, đạo nghĩa, về trung - hiếu, trung - nghĩa, hiếu - nghĩa là những phạm trù nội dung cơ bản nhất trong tư tưởng đạo đức của Nho giáo, đặc biệt là Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX. Mặt khác, do dung lượng của một luận án cho phép, chúng tôi không thể trình bày tất cả những sự thay đổi về nội dung, tính chất của đạo đức Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, mà chỉ tập trung nghiên cứu và đánh giá những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa qua nghiên cứu tư tưởng, quan điểm của một số nhà Nho tiêu biểu nửa cuối thế kỷ XIX.

#### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của một số nhà Nho tiêu biểu nửa cuối thế kỷ XIX trên đất nước Việt Nam.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án sử dụng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin như, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội... làm cơ sở lý luận. Luận án cũng dựa trên phương pháp luận của triết học Mác - Lênin về lịch sử triết học, tư tưởng Hồ Chí Minh về nghiên cứu lịch sử tư tưởng dân tộc, quan điểm về đạo đức và giáo dục đạo đức cách mạng; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đạo đức và giáo dục đạo đức làm cơ sở cho những lập luận của mình.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Tùy từng trường hợp, luận án sử dụng các phương pháp như, logic, lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh để nghiên cứu các vấn đề đặt ra trong luận án.

### **5. Cái mới của luận án**

Luận án hệ thống hoá và bước đầu đưa ra cách lý giải những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

Luận án bước đầu phân tích nội dung và tính chất những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của đạo đức Nho giáo Việt Nam qua một số nhà Nho tiêu biểu thời kỳ này.

Luận án đánh giá ý nghĩa những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của đạo đức Nho giáo đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX và hiện nay.

### **6. Ý nghĩa của luận án**

Luận án góp phần tìm hiểu những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX ở triều Nguyễn và lịch sử tư tưởng đạo đức Việt Nam.

Kết quả của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử tư tưởng triết học, đạo đức học Việt Nam.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án có 4 chương với 9 tiết.

### **Chương 1**

#### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

##### **1.1. Các công trình nghiên cứu khái quát về Nho giáo và đạo đức Nho giáo**

Việc nghiên cứu đạo đức Nho giáo là một công việc quan trọng nên đòi hỏi phải có sự công phu, bền bỉ. Cho đến nay vẫn còn có những ý kiến trái ngược nhau về Nho giáo, nhưng phần lớn đều nhất trí khẳng định ảnh hưởng của Nho giáo đối với đời sống đạo đức của người Việt là rất rõ nét.

##### **1.1.1. Các công trình nghiên cứu khái quát về Nho giáo và đạo đức Nho giáo ở Việt Nam**

Để nghiên cứu những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX, trước hết chúng tôi khảo sát các công trình nghiên cứu của các tác giả Việt Nam từ trước đến nay theo các xu hướng sau:

*Một là, xu hướng nghiên cứu chung, có tính hệ thống về đạo đức của Nho giáo.* Trần Trọng Kim trong cuốn “Nho giáo” cho rằng, Nho giáo như một ngôi nhà cổ rất đẹp, bị bỏ hoang cần phải tu sửa lại, giữ lấy di tích. Trong cuốn “Vài ý kiến về ảnh hưởng của Nho giáo đối với xã hội Việt Nam, Đào Duy Anh cho rằng, Nho giáo đã ảnh hưởng đến ba vị anh hùng dân tộc như Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh. Nguyễn Đức Quý cũng khẳng định vai trò của Nho giáo đã giải đáp được nhiều vấn đề của dân tộc trong thời kỳ đầu dựng nước và xây dựng chính quyền quân chủ v.v. “Bàn về đạo Nho” của Nguyễn Khắc Viện, v.v., cũng đề cập đến vấn đề đạo đức Nho giáo, tác giả đã đánh giá cao vai trò và nghĩa vụ của kẻ sĩ - nhà Nho đối với xã hội. Tác phẩm: Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám của Trần Văn Giàu. Các công trình nghiên cứu về đạo đức Nho giáo nói chung và đạo đức trung - hiếu - nghĩa của Nho giáo nói riêng, đã khai thác vấn đề ở nhiều khía cạnh khác nhau và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu, góc tiếp cận và nhiều yếu tố khác nên những phân tích, luận giải trên bình diện triết học về vấn đề này còn ít và đôi khi bị che lấp nhiều bởi bình diện lịch sử, văn học. Quan điểm và những phân tích của các học giả đã mở ra cho chúng tôi một khả năng khai thác sâu rộng hơn nữa vấn đề trung - hiếu - nghĩa trên bình diện đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

Hai là, xu hướng khẳng định các giá trị, chuẩn mực đạo đức của Nho giáo. Vũ Khiêu với cuốn *Bàn về văn hiến Việt Nam*, Nho giáo xưa và nay đã đưa ra những nhận định góp phần làm phong phú, đa dạng nền văn hoá Việt Nam với tinh thần tiếp thu và phát huy những yếu tố tích cực của Nho giáo. Cuốn “*Các bài giảng về tư tưởng phương Đông*” của Trần Đình Hượu. Trần Nguyên Việt với bài viết “Đạo hiếu Việt Nam qua cái nhìn lịch đại” đã luận giải khái niệm hiếu, quan điểm hiếu đạo theo tiến trình phát triển lịch sử tư tưởng Việt Nam.

### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu khái quát về Nho giáo và đạo đức Nho giáo ở Trung Quốc**

Một là, một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về tác giả và các tác phẩm Nho giáo. Người giới thiệu các tác giả tiêu biểu của Trung Quốc nhiều nhất ở Việt Nam là Nguyễn Hiến Lê, với các cuốn “*Khổng Tử*”, “*Mạnh Tử*”. Tác giả Quang Đạm khi bàn về đạo đức Nho giáo, trong “*Nho giáo xưa và nay*”. Phan Đại Doãn với cuốn *Một số vấn đề về Nho giáo tại Việt Nam*.

Hai là, một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về tác giả và các tác phẩm trong lịch sử Nho giáo ở Trung Quốc như: Vi Chính Thông trong “*Nho gia với Trung Quốc ngày nay*”. Tác giả Trần Chí Lương trong tác phẩm “*Đối thoại với tiên triết về văn hoá phương Đông thế kỷ XXI*”. Tác giả Phùng Hữu Lan trong “*Lịch sử triết học Trung Quốc*” cũng đã góp một cách nhìn về đạo đức Nho giáo nói chung và một số phạm trù đạo đức cụ thể như trung - hiếu - nghĩa nói riêng của Nho giáo và lịch sử Nho giáo Trung Quốc

## **1.2. Các công trình nghiên cứu về Nho giáo và đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX**

### **1.2.1. Một số công trình, bài viết nghiên cứu về tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX**

Tác phẩm *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập II, do Lê Sỹ Thắng chủ biên, trong đó có bài viết: “*Nguyễn Đức Đạt và tác phẩm Nam Sơn tùng thoại*” đã đề cập đến Nho giáo và vai trò của nó dưới triều Nguyễn, tác phẩm đã khái quát tư tưởng Nho giáo thế kỷ XIX và quan niệm về đạo đức của Nguyễn Đức Đạt. Bài viết “*Tìm hiểu tư tưởng đạo đức của Nguyễn Đức Đạt*” của Nguyễn Văn Phúc đăng trên tạp chí Triết học số 10, tháng 10/2002. Gần đây, một số luận văn thạc sĩ triết học đã được bảo vệ xoay quanh vấn đề con người, mẫu người, đạo làm người và vấn đề giáo dục đào tạo con người theo các nguyên tắc chuẩn mực đạo đức của Nho giáo như: “*Thử tìm hiểu phạm trù “lễ” trong tác phẩm Luận ngữ*” của Nguyễn Thanh Thê, “*Quan niệm của Khổng Tử về con người, và giáo dục đào tạo con người*” của Nguyễn Thị Tuyết Mai, v.v. Mặc dù, bị hạn chế bởi phạm vi nghiên cứu cụ thể của từng đề tài; song, các tác giả ở những mức độ nhất định cũng đã đề cập đến tư tưởng đạo đức, đến quan niệm về đạo trung hiếu nghĩa của Nho giáo đã góp phần hình thành nên tính toàn vẹn của mẫu người lý tưởng mà Nho giáo muốn xây dựng.

### **1.2.2. Một số luận án có nghiên cứu về tư tưởng Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX**

Các luận án đã đề xuất nhiều vấn đề khác nhau về phương pháp nghiên cứu và kế thừa những thành tựu mà các luận án đó đã đạt được, cũng như những hạn chế, những vấn đề còn đang tranh cãi. Đó là các luận án:

Một là, *“Tìm hiểu tư tưởng chính trị trong Nho giáo Việt Nam từ Lê Thánh Tông đến Minh Mệnh”* của tiến sĩ Nguyễn Hoài Văn bảo vệ năm 2001. Tuy nhiên, đây là thời kỳ trước- thời kỳ giữa thế kỉ XV đến giữa thế kỉ XIX - là thời kỳ không nằm trong thời gian mà luận án của chúng tôi nghiên cứu. Vì vậy, luận án *“Tìm hiểu tư tưởng chính trị trong Nho giáo Việt Nam từ Lê Thánh Tông đến Minh Mệnh”* của tiến sĩ Nguyễn Hoài Văn đối với chúng tôi chỉ có ý nghĩa tham khảo về tư tưởng chính trị trong Nho giáo Việt Nam trước thế kỉ XIX mà thôi.

Hai là *“Tìm hiểu những tư tưởng cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX”* của tiến sĩ Lê Thị Lan. Luận án đã làm rõ một số tư tưởng cải cách cơ bản của một số nhà cải cách thời kỳ này. Luận án nói đến tư tưởng cải cách ở Việt Nam là nói tới những tư tưởng mới mẻ xuất hiện vào nửa cuối thế kỉ XIX.

Ba là, luận án *“Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX”* của tiến sĩ Nguyễn Nam Thắng. Tác giả đã nêu lên sự nhiệt tình, quả cảm và lòng yêu nước thiết tha không quản ngại hy sinh vì Tổ quốc của các Nho sĩ yêu nước đương thời. Chủ nghĩa yêu nước ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX cũng là một đề tài gần với nội dung nghiên cứu của tôi. Luận án đề cập nghiên cứu và phân tích những tư tưởng yêu nước cuối thế kỷ XIX và phân biệt rõ giữa tư tưởng yêu nước và chủ nghĩa yêu nước ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX.

Như vậy, chúng ta thấy tác giả đã tiếp cận vấn đề từ góc độ triết học, phân tích những tư tưởng yêu nước cuối thế kỷ XIX dưới nhãn quan của một người nghiên cứu triết học. Đây là một cách tiếp cận mới, bởi vì, nội dung đạo đức trung hiếu, giá trị cá nhân và nội dung yêu nước phong phú đa dạng đã được các ngành văn học và sử học bàn đến nhiều. Nhưng trên phương diện lý luận và tiếp cận vấn đề từ góc độ triết học thì chưa có đề tài nào bàn đến đề qua đó thấy được sự tiếp thu và biến đổi của nó ở Việt Nam là cần thiết.

**1.3. Một số công trình nghiên cứu về sự thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam và những vấn đề chính cần tiếp tục giải quyết, bổ sung trong luận án**

**1.3.1. Một số công trình nghiên cứu về sự thay đổi trong quan niệm trung hiếu của Nho giáo và Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX**

Một là, *“Đạo đức trung, hiếu của Nho giáo và ý nghĩa của nó đối với việc giáo dục ý thức trách nhiệm ở Việt Nam hiện nay”* của Trần Thị Lan Hương. Luận án có sự giải thích và làm rõ quan điểm trung hiếu nhưng chủ yếu là của Nho giáo Trung Quốc và Việt Nam trước thế kỷ XIX. Luận án cũng đã phân tích hệ thống quan điểm trung hiếu nhưng vì luận án có hướng nghiên cứu khác nên chưa nêu ra sự thay đổi trong quan niệm về trung hiếu nghĩa của Nho giáo. Vì vậy, đề tài của chúng tôi nghiên cứu sẽ tiếp cận ở một



hướng khác đó là những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX.

Hai là, *"Chuyển biến tư tưởng của sĩ phu Nghệ Tĩnh từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX"* của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Bình đã trình bày hoàn cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Các sĩ phu yêu nước thấy rằng không thể khư khư giữ tư tưởng "trung quân, ái quốc" cũ. Tư tưởng đó cũng có liên quan một phần đến vấn đề mà chúng tôi nghiên cứu nhưng trên phương diện lịch sử, nên xét dưới góc độ triết học cần phải nghiên cứu tiếp tục.

### **1.3.2. Sự thay đổi trong việc đánh giá về tư tưởng Nho giáo Việt Nam thế kỷ XIX**

*Thứ nhất, khía cạnh phê phán, phủ định sạch trơn Nho học.* Không ít người coi Nho học chỉ là một thứ ung nhọt, họ phủ nhận hoàn toàn mọi giá trị của Nho học, thậm chí coi Nho học không có tác dụng thúc đẩy sự phát triển xã hội. Theo chúng tôi, đây là một quan điểm chưa khách quan và phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét, đánh giá từng vấn đề và hơn nữa phải tính đến cả các ảnh hưởng còn khá sâu rộng của Nho học đối với gia đình và xã hội chúng ta ngày nay.

*Thứ hai, trở lại với Nho giáo thế kỷ XIX mà nhà Nguyễn chủ trương độc tôn, hiện vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau.* Giai đoạn từ những năm 60 của thế kỷ XX hầu như quan điểm của các nhà nghiên cứu chủ yếu nhìn nhận, đánh giá về việc độc tôn Nho giáo của triều đại nhà Nguyễn mang nhiều yếu tố tiêu cực và bất hợp lý. Trong những hội thảo gần đây những đánh giá về triều đại nhà Nguyễn đã có nhiều thay đổi mang tính khách quan, tích cực hơn.

### **1.3.3. Những vấn đề chính cần tiếp tục giải quyết, bổ sung trong luận án**

Từ việc khảo sát và phân tích các công trình nghiên cứu đi trước về đạo đức Nho giáo nói chung, những thay đổi trong đạo đức trung hiếu nghĩa của Nho giáo nửa cuối thế kỷ XIX nói riêng, chúng tôi xác định những vấn đề chính của luận án: *"Những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX"* cần giải quyết và tiếp tục là:

*Thứ nhất, khái quát về Nho giáo và tư tưởng đạo đức Nho giáo.* Nội dung sự thay đổi của đạo đức trung - hiếu - nghĩa tương ứng với từng giai đoạn cụ thể của lịch sử đặc biệt là những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo nửa cuối thế kỷ XIX.

*Thứ hai, phân tích sự thay đổi đạo đức trung - hiếu - nghĩa của Nho giáo Việt Nam thông qua tư tưởng các Nhà nho yêu nước tiêu biểu nửa cuối thế kỷ XIX.* Phong trào yêu nước trên lập trường phong kiến dưới danh nghĩa Cần vương tư tưởng trung quân - vì vua đã nhường cho đạo đức trung - hiếu vì nước, vì dân mà chiến đấu.

*Thứ ba, làm rõ mối quan hệ giữa đạo đức trung, hiếu, nghĩa với việc*

phân tích về những thay đổi trong tư tưởng một số nhà Nho Việt Nam yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX. Đạo đức trung, hiếu, nghĩa lấy ý thức trách nhiệm với dân, lấy cứu dân làm động lực chiến đấu, chứ không phải là lấy cứu nước trung vua làm động lực chiến đấu. Đây là một điểm rất khác biệt về những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo nửa cuối thế kỷ XIX, cũng như tư tưởng trung quân - ái quốc thời kỳ này cũng có nhiều thay đổi rất khác lạ so với các thế kỷ trước.

### ***Tiểu kết chương 1***

1. Nho giáo và Nho giáo Việt Nam là mảng đề tài đã được nhiều nhà nghiên cứu khai thác. Tuy nhiên, việc nghiên cứu Nho giáo nói chung và khía cạnh đạo đức Nho giáo nói riêng vẫn còn là vấn đề mở nhiều ý tưởng cần phải có sự nghiên cứu giải thích và làm rõ thêm một cách có hệ thống. Sau khi khảo cứu một số lượng tài liệu nhất định về vấn đề này cho phép NCS tin tưởng rằng có thể kế thừa các thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước để có thể tránh được những bước đi mò mẫm, sai lầm.

2. Các phạm trù đạo đức của Nho giáo trong đó có trung hiếu nghĩa cũng đã được tiếp cận ở các mức độ nhất định ở Việt Nam. Tư tưởng đạo đức Nho giáo mà cốt lõi là trung - hiếu - nghĩa trên phương diện triết học để phân tích nội hàm của trung - hiếu - nghĩa trong Nho giáo cuối thế kỷ XIX. Từ đó tìm ra cơ sở tồn tại xã hội mà trên đó nó nảy sinh, phản ánh để khẳng định sự thay đổi của đạo đức trung - hiếu - nghĩa trong Nho giáo Việt Nam thì chưa có công trình nghiên cứu chuyên biệt nào công bố.

3. Chúng tôi cho rằng, ý tưởng và kết quả nghiên cứu của những luận án trên về tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam mới chỉ là bước đầu. Các tư tưởng đạo đức cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, đặc biệt là sự thay đổi của nó ở Việt Nam vào nửa cuối thế kỷ XIX, cũng như trong quá trình tiếp biến với những giá trị văn hóa nước ngoài từ trước tới nay. Vì vậy, việc nghiên cứu: *“Những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX”* để thấy được những thay đổi trong tư tưởng trung - hiếu - nghĩa trong Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX chính là tâm nguyện mà tác giả của luận án mong muốn.

## **Chương 2**

### **TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ THAY ĐỔI TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO CUỐI THẾ KỶ XIX Ở VIỆT NAM**

#### **2.1. Khái quát về Nho giáo và tư tưởng đạo đức Nho giáo**

##### ***2.1.1. Nho giáo và quá trình du nhập vào Việt Nam***

##### ***2.1.1.1. Lịch sử hình thành Nho giáo***

Đến thế kỷ VI, V tr.CN ở Trung Quốc cổ đại một học thuyết chính trị - xã hội ra đời đó là Nho giáo. Người sáng lập học thuyết này là Khổng Tử (551 - 479 tr.CN). Tuy nhiên, trong suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm của Trung Quốc, Nho giáo được nhìn nhận hết sức khác nhau. Có giai đoạn

người ta đề cao Nho giáo, coi đó như là chuẩn mực để xây dựng đời sống xã hội, nhưng đến đầu thế kỷ XX người ta phê phán, bài bác, thậm chí phủ nhận Nho giáo. Đương nhiên, khi đã coi Nho giáo như là một học thuyết thì việc xem xét, đánh giá trong các giai đoạn lịch sử cũng là việc làm bình thường.

#### *2.1.1.2. Các thời kì phát triển của Nho giáo*

Từ Khổng Tử đến Mạnh Tử hình thành nên Nho giáo nguyên thủy, còn gọi là Nho giáo Tiên Tần (trước đời Tần), Khổng giáo hay tư tưởng Khổng - Mạnh. Đến thời Hán, Nho giáo được phục hồi. Đông Trọng Thư (179 - 104 tr.CN), người được mệnh danh là Khổng Tử thời Hán, đã đưa Nho giáo trở thành quốc giáo và là công cụ thống nhất đất nước về tư tưởng. Từ đây, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống bảo vệ chế độ phong kiến Trung Hoa trong suốt 2000 năm. Đến thời Tống, nội dung tư tưởng Khổng - Mạnh được bổ sung thêm những yếu tố mới như lý, khí với các tên tuổi Chu Đôn Di, Trương Tải, Trình Hạo và Trình Di. Xã hội phong kiến Trung Quốc vẫn tiếp tục kéo dài với tư tưởng Nho giáo thời Nguyên, thời Minh rồi đến thời Thanh cùng tư tưởng ngày càng trở nên già cỗi.

#### *2.1.1.3. Quá trình du nhập của Nho giáo vào Việt Nam*

Về quá trình du nhập Nho giáo vào Việt Nam đa số các nhà nghiên cứu đều thống nhất một điểm là, Nho giáo được du nhập vào nước ta từ lâu ít nhất là từ thời kỳ đô hộ của nhà Hán. Sau khi giành được độc lập, ở những triều đại đầu tiên trong lịch sử như: Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, thì Phật giáo được coi là Quốc giáo. Đến thế kỷ XV, Nho giáo ngày càng thăng thế và chiếm vị trí độc tôn với vai trò quốc giáo. Từ thế kỷ XVI, uy tín của Nho giáo bắt đầu bị giảm sút do tình hình đất nước xã hội trở nên loạn lạc, nội chiến bắt đầu dẫn đến một thời kỳ suy thoái kéo dài của Nho giáo. Đầu thế kỷ XIX vương triều Nguyễn được thành lập vào đã tìm mọi cách khôi phục lại địa vị độc tôn của Nho giáo, nâng lên ở vị trí “chính đạo” được thể hiện rõ ràng từ vị vua đầu tiên là Gia Long đến Minh Mệnh rồi Tự Đức.

Như vậy, Nho giáo vào Việt Nam mang theo các quan điểm chính thống, đề cao những giá trị đạo đức Nho giáo, trong đó có quan điểm trung - hiếu - nghĩa để cụ thể hoá đường lối cai trị của các triều đại theo cách riêng của mình.

#### **2.1.2. Một số tư tưởng cơ bản của đạo đức Nho giáo**

##### *2.1.2.1. Khái niệm đạo đức.*

Ở phương Đông cổ đại, các học thuyết về đạo đức của người Trung Quốc xuất hiện sớm, đã quan niệm về đạo đức chính là những yêu cầu, những nguyên tắc do cuộc sống đặt ra mà mỗi người phải tuân theo.

Ở phương Tây cổ đại, danh từ đạo đức bắt nguồn từ tiếng Latinh là *Morale* (moralia- nghĩa là có liên quan với lẽ thói, đạo nghĩa), còn luân lý được xem như đồng nghĩa với “đạo đức” có gốc tiếng Hy Lạp là *ethikos*- lẽ thói, tập tục. Sau này người ta dùng 2 từ để phân biệt rõ hai khái niệm *moral* là đạo đức, *ethikos* là đạo đức học.

##### *2.1.2.2. Một số tư tưởng cơ bản của đạo đức Nho giáo Trung Quốc.*

*Một là, tư tưởng về đạo của Nho giáo Trung Quốc.* Theo Vũ Khiêu, “Đạo theo quan niệm của Khổng Tử chính là năm mối quan hệ cơ bản của con người gọi là ngũ luân: Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn. Trong năm mối quan hệ đó thì ba quan hệ đầu tiên là: Vua tôi, cha con, chồng vợ là quan trọng nhất được gọi là Tam Cương.

*Hai là, tư tưởng về đức của Nho giáo Trung Quốc.* Vũ Khiêu cho rằng, đức theo quan niệm của Khổng Tử là Trí, Nhân Dũng ba phẩm chất quan trọng nhất mà con người cần phải có để thực hiện tốt nhất năm mối quan hệ cơ bản nói trên. Nhân là tình người, nhân trị là cai trị bằng tình người, là yêu người và coi người như bản thân mình. Nghĩa có nghĩa đen là điều nên nói, việc nên làm, tự vẫn lương tâm mình là cách cư xử với mọi người theo công bằng và lẽ phải. Lễ là một phạm trù đạo đức, một chuẩn mực đạo đức dùng để chỉ tôn ti, trật tự, kỷ cương của xã hội mà mọi người đều phải tuân theo. Trong quan điểm về trí, trí là biết người, trí được hiểu là sự minh mẫn nói chung để phân biệt, đánh giá con người, ứng xử cho phải đạo. Chữ tín theo Nho giáo là lòng thật thà, niềm tin, đức tính giữ lời hứa, làm đúng những điều đã nói ra.

## **2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX**

### **2.2.1. Sự xâm lược của thực dân Pháp**

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là một trong nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc ta để giành độc lập cho Tổ quốc. Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam là biến cố quan trọng có tác động mạnh mẽ nhất đối với quá trình thay đổi những tư tưởng đạo đức của Nho giáo giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX.

*Một là, về kinh tế và chính trị:* Nền kinh tế Việt Nam dưới thời Nguyễn là nền sản xuất phong kiến hết sức lạc hậu, lúc bình thường thì nền kinh tế đó vốn đã ốm yếu, khi có chiến tranh càng mau chóng đi đến chỗ kiệt quệ. Chính sách sai lầm của triều Nguyễn về kinh tế làm cho nền nông nghiệp trong nước tiêu điều, xơ xác, công nghiệp cũng ngày càng lụi tàn vì các quy định ngặt nghèo của vương triều Nguyễn do cường bức lao động, đánh thuế sản vật rất nặng,... Thương nghiệp trong nước và nước ngoài sút kém rõ rệt, một số cửa cảng trước kia buôn bán phồn thịnh, nay trở nên vắng vẻ. Đường lối chính trị “nội Hạ ngoại Di” được các vua nhà Nguyễn thực hiện làm cho thực trạng chính trị nước ta ngày càng lạc hậu hơn.

*Hai là, về văn hóa - xã hội:* Thời kỳ này, hệ tư tưởng Nho giáo không còn là một phương thuốc “màu nhiệm” nữa, các giá trị vốn có của đạo đức Nho giáo dùng để duy trì sự ổn định và phát triển xã hội về hệ tư tưởng cơ bản đã không còn tác dụng. Bề ngoài nó vẫn còn vẻ uy nghi nhưng thực chất bên trong nó không còn vững vàng. Hệ tư tưởng Nho giáo của triều Nguyễn đồng thời cũng là hệ tư tưởng trong đời sống văn hóa xã hội bị lung lay, luân lý đạo đức chỉ có hư mà không có thực. Các giá trị về trung hiếu được đề cao tuyệt đối, các chuẩn mực này là rất khắc nghiệt và thiếu tính nhân bản. Sự

kiện này đã đánh dấu một sự thay đổi căn bản về văn hóa - xã hội, kéo theo những xáo trộn, những thay đổi sâu sắc, toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống tinh thần, trong đó có những tư tưởng đạo đức của Nho giáo.

### **2.2.2. Sự xung đột giữa tư tưởng đạo đức Nho giáo và Gia tô giáo**

#### **2.2.2.1. Sự lạc hậu, bất cập trong tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX**

Bước sang thế kỷ XIX, triều Nguyễn được thành lập, nhà Nguyễn ra sức đề cao Nho giáo, chấn hưng Nho học. Nho giáo thời Nguyễn chịu ảnh hưởng chủ yếu của Hán Nho và Tống Nho. Nho giáo đã được nhà Nguyễn dần dần đẩy đến mức cực đoan, giáo điều, tính bảo thủ của Nho giáo cũng ngày càng bộc lộ rõ nét hơn. Đứng trước những thách thức của lịch sử, việc sử dụng hệ tư tưởng Nho giáo để giải quyết những vấn đề mới đặt ra cho đất nước cuối thế kỷ XIX là không còn phù hợp nữa.

#### **2.2.2.2. Sự thay đổi trong quan niệm của vua quan nhà Nguyễn về xung đột tôn giáo đầu và cuối thế kỷ XIX**

*Một là, sự xung đột giữa tư tưởng đạo đức Nho giáo và Gia tô giáo đầu thế kỷ XIX.* Nguyễn Ánh đã dựa vào giáo sĩ và thương nhân phương Tây để chống Tây Sơn. Sau đó Minh Mạng tìm mọi cách xa lánh, cắt quan hệ, đã thi hành chính sách "cấm đạo" diệt đạo ở trong nước tàn khốc đối với Công giáo.

*Hai là, sự xung đột lên đến đỉnh điểm và thay đổi trong quan niệm của vua Tự Đức về Gia tô giáo cuối thế kỷ XIX.* Đến thời Tự Đức, tình hình nghiêm trọng hơn. Triều đình có những chỉ dụ cấm đạo rất nghiêm ngặt, truy lùng gắt gao những người theo đạo, xua đuổi, tàn sát giáo dân. Tuy nhiên, sau khi buộc phải ký hòa ước về tôn giáo và trong những năm cuối đời mình, đối với chính sách Công giáo, vua Tự Đức cũng đã có những thay đổi trong tư tưởng của mình. Triều đình thừa nhận sự có mặt hợp pháp của Công giáo trên đất nước Việt Nam gắn với quyền lợi của giáo dân, đó là công nhận quyền tự do Công giáo.

#### **Tiểu kết chương 2**

*Một là,* tư tưởng đạo đức cơ bản của Nho giáo đã được hệ thống hóa lại một cách tóm tắt như trên, ta có thể kết luận của Nho giáo là học thuyết về chính trị và các phạm trù đạo đức. Nho giáo ngày càng bị trừu tượng hóa.

*Hai là,* nguyên nhân làm thay đổi tư tưởng đạo đức của Nho giáo nửa cuối thế kỷ XIX bởi nhiều thay đổi lớn về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. Nhà Nguyễn đang trên đà suy vong, đất nước từng bước rơi vào tay thực dân Pháp, những chuẩn mực đạo đức Nho giáo và sự tác động trở lại của đạo đức Nho giáo không đủ sức để có thể tạo nên một cuộc cách mạng thay đổi thực trạng xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, nên những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX chỉ mang tính cải lương.

*Ba là,* triều đình nhà Nguyễn không giải quyết được các mâu thuẫn nảy sinh, làm cho sự chống đối nổi dậy ngày càng nhiều và cả những xung đột gay gắt về tôn giáo giữa tư tưởng đạo đức Nho giáo với Gia tô giáo gây ra sự

xáo trộn lớn trong xã hội. Thời kỳ này đời sống tinh thần không còn bị chi phối bởi tam giáo mà là tứ giáo (Nho, Phật, Lão, Gia tô). Tuy nhiên, sau này vua Tự Đức cũng đã có những thay đổi trong tư tưởng của mình về Giatô giáo đã làm dịu đi mâu thuẫn xã hội giữa lương và giáo, làm cho hậu quả không còn nặng nề như thời kỳ trước.

### **Chương 3**

## **SỰ THAY ĐỔI VỀ NỘI DUNG VÀ TÍNH CHẤT TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX**

### **3.1. Nội dung cơ bản của sự thay đổi tư tưởng đạo đức trong Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX**

#### **3.1.1. Sự thay đổi quan niệm về đạo đức trung - nghĩa của nhà Nho Nguyễn Đức Đạt**

##### **3.1.1.1. Sự thay đổi quan niệm về đạo đức trung - nghĩa của Nguyễn Đức Đạt (qua tác phẩm Nam Sơn tùng thoại)**

Một là, Nguyễn Đức Đạt đã thể hiện sự thay đổi tư tưởng của ông về đạo “trung” một trong những phạm trù đạo đức cơ bản của Nho giáo truyền thống. Ông chủ trương một chữ “thành”, là phương châm con người xử thế với nhau là nguyên lý phổ quát cho các nguyên tắc xử sự. Nguyễn Đức Đạt cũng đã tiếp thu quan điểm “trung” của Khổng, Mạnh. Tuy nhiên, ông cũng không nhìn nhận quan điểm trung một cách cứng nhắc. Ông đưa ra quan điểm “minh lương” để cổ vũ cho đạo trung. Tư tưởng của Nguyễn Đức Đạt về đạo “trung” cho thấy có yếu tố tiến bộ hơn khi vua không phải “minh quân”, khi vua không trung với nước nữa đã có sự thay đổi, tiếp thu được yếu tố mới. Về quan niệm “trung” hay “đại trung” đều đòi hỏi phải lấy Đạo và Đức (có khi gộp lại trong khái niệm Thiện) làm tiêu chuẩn cao nhất mà người bề tôi phải dựa vào đó mà phụng sự vua. Như vậy, nghĩa là Nguyễn Đức Đạt đòi hỏi trung thần và đại trung thần phải “trước hết và bao giờ cũng tuyệt đối trung thành với đạo và đức chứ chưa hẳn là cá nhân ông vua. Đó là một minh chứng cho thấy sự thay đổi trong quan niệm của ông về đạo trung. Nguyễn Đức Đạt đã có một bước tiến trong quan niệm về đạo trung để đi đến quyết định gia nhập phong trào Cần vương khi tuổi đã già, sức đã yếu. Theo chúng tôi, do ảnh hưởng của các quan niệm tiến bộ đương thời nên *hành động thực tiễn đó là minh chứng cho bước tiến trong quan niệm của ông, từ trung quân thuần túy chính thống Nho giáo sang trung quân gắn với ái quốc thương dân.*

Hai là, trong tác phẩm Nam Sơn tùng thoại, Nguyễn Đức Đạt đã thể hiện sự thay đổi tư tưởng của ông về tính “Thiện” trong đạo đức Nho giáo. Trong các trước tác của Nguyễn Đức Đạt nói chung, trong *Nam Sơn tùng thoại* nói riêng, tư tưởng về thực chất của đạo đức không thể hiện dưới hình thức đạo đức học. Điều đó có nghĩa là ông không đặt và trả lời câu hỏi: Đạo đức hay thực chất của đạo đức là gì? Ông tìm đến tư tưởng Lão Tử và kết hợp Nho giáo và Lão giáo nhằm xác lập cơ sở cho những tư tưởng đạo đức của

mình để chứng tỏ *tính hợp lý* và *tính chính đáng* của các yêu cầu, các chuẩn mực, các giá trị đạo đức của Nho giáo mà tiêu biểu là *Trung* và *Hiếu*.

**3.1.1.2. Sự thay đổi quan niệm về mối liên hệ giữa đạo đức và pháp luật (qua Nam Sơn tùng thoại).** Để làm rõ hơn thực chất của đạo đức, Nguyễn Đức Đạt đã xem xét đạo đức trong quan hệ với pháp luật đó là quan hệ trong đường lối Nhân chính, Đức trị. Theo ông, Nhân chính, Đức trị không có nghĩa là không dùng luật pháp. Điều khác biệt ở Nguyễn Đức Đạt là ở chỗ ông còn nói thêm rằng, vua phải tuân theo pháp luật và pháp luật để ngăn cấm vua. Đây là một ý kiến không có trong Tứ thư và trong di sản tư tưởng thế kỷ XIX trở về trước. Rõ ràng, trong khuôn khổ ý thức hệ phong kiến, quan niệm đó của Nguyễn Đức Đạt có ý nghĩa tích cực đáng được ghi nhận.

Về những thay đổi trong tư tưởng Nguyễn Đức Đạt đưa ra một tư tưởng mới rất có giá trị đó là đòi hỏi vua phải biết "yêu kính dân". Theo Nho giáo, vua thương yêu dân là lẽ hiển nhiên, nhưng chưa có ai nói vua phải kính dân. Có lẽ, Nguyễn Đức Đạt là nhà Nho duy nhất cho rằng dân là chủ thể của vua. Yêu dân như yêu thân mình, kính như kính thân mình. Đây quả là một tư tưởng táo bạo, có ý nghĩa không thấy ở sách khác.

Tóm lại, Nguyễn Đức Đạt là nhà Nho chính thống, tư tưởng đạo đức của ông là sự chú giải, biện minh và làm sống động lại những đặc sắc của đạo đức Nho giáo. Do có ý nghĩa trong nửa cuối thế kỷ XIX mà tư tưởng đạo đức của Nguyễn Đức Đạt đã gợi mở nhiều suy nghĩ trong việc xây dựng đạo đức hiện nay.

### **3.1.2. Sự thay đổi đạo đức trung - nghĩa qua tư tưởng đạo đức của một số nhà Nho trong phong trào Cần Vương**

Cuối thế kỷ XIX một số nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiên bộ nhận thấy rằng, có một thứ cao hơn vua là nước. Một số nhà Nho đã đặt nước lên trên vua, khi vua không tận trung với nước thì bề tôi không cần phải trung với vua. Trong giai đoạn Cần vương nửa cuối thế kỷ XIX đã thể hiện rõ đạo đức trung - nghĩa đó. Một số nhà Nho đã có sự thay đổi sâu sắc, đặc biệt thay đổi nhận thức trong mối quan hệ giữa vua - tôi với tinh thần phá bỏ những định kiến cố hữu đó. Sự thay đổi đó được thể hiện ở:

#### **3.1.2.1. Sự thay đổi đạo trung - nghĩa qua tư tưởng đạo đức của Phan Đình Phùng**

Ông là nhân vật của lịch sử bởi được chứng kiến cuộc xung đột dữ dội của thời đại - cuộc đối đầu lịch sử giữa thực dân Pháp và nhân dân Việt Nam. Phan Đình Phùng cũng mang trong mình nỗi đau của người anh hùng thất thế. Hình ảnh của ông là hình ảnh bi hùng của lớp người nghĩa sĩ - người anh hùng chiến bại trong nửa cuối thế kỷ XIX. Qua một số bài thơ và bức thư trả lời việc dụ hàng của Hoàng Cao Khải, chúng ta cũng thấy được tinh thần kiên trung vì nghĩa, một lòng một dạ vì dân, vì nước của ông. Các nhà Nho Cần vương đứng lên chống Pháp làm nổi bật những thay đổi về đạo "trung" một giá trị cốt lõi của Nho giáo. Đạo "trung" đã phát huy ảnh hưởng tích cực của

nó phù hợp với những biến chuyển của thời đại, đồng thời khẳng định vẻ đẹp của lý tưởng vì “*trung nghĩa*” của các bậc chân Nho.

3.1.2.2. *Sự thay đổi đạo đức trung - nghĩa qua tư tưởng đạo đức của Nguyễn Quang Bích (1832 - 1889)*

Ông là một trí thức yêu nước, một lãnh tụ xuất sắc của phong trào kháng Pháp nửa sau thế kỷ XIX, không chịu tuân theo triều đình bãi binh để về Huế nhận chức. Ông trở thành một trong những người lãnh đạo trọng yếu của phong trào kháng chiến ở Bắc kỳ. Thực dân Pháp đã dùng bòn ngụy quan đem danh vọng, tiền tài mua chuộc nhưng ông cương quyết cự tuyệt, quyết không hàng *cam lòng chịu chết vì đạo nghĩa lớn lao*. Tư tưởng chủ đạo ông là một tinh thần yêu nước cao độ biểu hiện sắc cạnh trong chí căm thù giặc trung thành với ý chí chiến đấu tới cùng, giương cao ngọn cờ cứu quốc. Ông nặng tình với nhân dân, nặng lòng vì nước, nổi then của người anh hùng khi ý thức được lí tưởng, hoài bão cống hiến cho đời không thể thực hiện được. Những yếu tố đó kết hợp chặt chẽ với nhau để tạo nên giá trị chân chính của một nhà Nho trung - nghĩa và khẳng định được vẻ đẹp bi hùng cao cả trong triết lí sống của ông.

3.1.2.3. *Sự thay đổi đạo đức trung - nghĩa qua tư tưởng đạo đức của Nguyễn Xuân Ôn*. Ông là một trong những quan lại kiên quyết chủ chiến. Trong thời kỳ này, ông đã nhiều lần trình bày lên Tự Đức kế hoạch đánh giặc Pháp nhưng triều đình mục nát không chấp thuận. Ông đã đứng lên lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp, lập được nhiều chiến công. Cho đến khi bị giặc Pháp vây bắt ngay trên giường bệnh, chúng tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc nhưng trước sau ông vẫn giữ được tấm lòng trung với đất nước. Cử nhân Nguyễn Hành có câu đối: *Thiên cổ tinh trung danh bất hủ; Nhất trường oanh liệt giác do sinh*. (Những bậc tinh trung như ông, ngàn năm danh bất hủ/ Một trường oanh liệt muôn thuở không quên).

Tinh thần trung - nghĩa của các nhà Nho Cần vương đều là những nhà Nho giữ tròn khí tiết theo đạo lý của Nho gia. Dẫu rằng lý tưởng tôn quân lúc bấy giờ đã lâm vào bi kịch nhưng các nhà Nho trung - nghĩa đã biết dựa vào truyền thống dân tộc triết lý nhân sinh cao cả của con người Việt Nam: *đặt nghĩa lớn đất nước lên trên quyền lợi cá nhân, lên trên tính mạng của mình*. Đạo đức trung - nghĩa của các nhà Nho thời kỳ này đã thay đổi bởi họ đã đặt nghĩa lớn đối với đất nước lên trên hết.

Như vậy, những thay đổi tư tưởng trung - hiếu - nghĩa trong điều kiện lịch sử cụ thể của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX là một sự thay đổi tư duy đáng trân trọng của các sỹ phu yêu nước. Theo chúng tôi, những thay đổi trong tư tưởng trung - hiếu - nghĩa là một hình thức biểu hiện mới của chủ nghĩa yêu nước, đáp ứng yêu cầu nội tại là bảo vệ chủ quyền dân tộc trước sự xâm lăng của thực dân Pháp thời kỳ này.



### **3.2. Sự thay đổi tính chất trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX**

#### **3.2.1. Sự thay đổi quan niệm về tính chất đạo trung của Nho giáo cuối thế kỷ XIX**

Đến cuối thế kỷ XIX là thời kỳ mà khái niệm trung quân và các quan niệm trung, hiếu đối với triều đình có nhiều thay đổi, có yếu tố mới hơn. Khi vua phản bội Tổ quốc, thì các nhà Nho chân chính cũng cảm nhận khái niệm trung quân cũng cần thay đổi. Đạo trung không chỉ dừng ở trung quân với vua sáng mà trung quân đi liền với "ái quốc, ái dân". Sự thay đổi tính chất đạo trung trong tư tưởng Nho giáo cuối thế kỷ XIX được thể hiện qua tư tưởng của một số nhân vật tiêu biểu như sau:

##### **3.2.1.1. Sự thay đổi quan niệm về tính chất đạo trung trong tư tưởng của Trương Định đã mang tính dân tộc và nhân dân sâu sắc**

Tính chất đạo trung trong tư tưởng đạo đức Nho giáo của triều đình Huế cuối thế kỷ XIX do ảnh hưởng của Hán Nho và Tống Nho, nên mang nặng tính hà khắc, áp đặt một chiều để thể hiện uy quyền tối cao của nhà vua. Nhưng sự thay đổi quan niệm về tính chất đạo trung đã được thể hiện khi triều đình vua Tự Đức ra chiếu chỉ yêu cầu Trương Định bãi binh không được đánh Pháp, Trương Định không tuân theo chiếu chỉ. Ông đã ở lại nhận chức Bình Tây đại nguyên soái do nhân dân phong, chứ không phải do triều đình phong. Theo chúng tôi trong quan niệm về đạo trung của ông đã có một sự thay đổi rất lớn lao. Ông dứt bỏ hoàn toàn quan niệm trung quân để trung với nước, bảo vệ Tổ quốc mà ở đây được hiểu một cách rõ ràng là đất nước của chúng ta. Đây là bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp cứu nước của Trương Định. Theo chúng tôi, đạo trung trong tư tưởng của ông đã có sự thay đổi rất căn bản về chất, Trương Định đã cởi bỏ được tư tưởng trung vua đè nặng trong tâm thức ông. Như vậy đạo trung đã vượt khỏi ranh giới Nho giáo thời kỳ này để lựa chọn một sự cống hiến lớn lao hơn. Đó cũng chính là minh chứng cho sự thay đổi *tính chất đạo trung trong tư tưởng Nho giáo cuối thế kỷ XIX*.

**3.2.1.2. Sự thay đổi về tính chất đạo trung trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu đã xuất phát từ lợi ích, lập trường của dân.** Trung trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu và trong hành động của ông đã thể hiện những vấn đề của dân tộc. Điều quan trọng của khái niệm “trung” trong sự vận dụng của Nguyễn Đình Chiểu là ông luôn xuất phát từ lợi ích của dân, từ lập trường của nhân dân. Điều này hoàn toàn khác với tư tưởng chính thống của triều đình, của vua Tự Đức khi “chữ trung quân được đề cao tột độ, chữ ái quốc chưa hề được thông dụng, triều đình không thể lấy cái ái quốc để phân biệt với cái trung quân. Do vậy, đạo trung trong tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của lịch sử, của dân tộc Việt Nam ở nửa cuối thế kỷ XIX. Ngoài ra, ở Nguyễn Đình Chiểu còn thể hiện sự gắn kết giữa “trung” và “hiếu” để lột tả những phẩm chất tốt đẹp của con người. Tư tưởng

trung quân của Nguyễn Đình Chiểu cũng là trung quân có điều kiện, trung với lẽ phải, trung với nước, đạo trung của Nho giáo mang tính nhân dân và dân tộc. Điều này cũng được quy định một phần bởi tính chất thời đại mà ông đang sống.

Trong quan niệm "trung quân" của Nguyễn Đình Chiểu cũng có nhiều điểm tiến bộ. Khi vua đã phản bội Tổ quốc, ông sẵn sàng đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết, chứ không phải lợi ích của vua lên trên, mặc dù ông được giáo dục Nho giáo từ nhỏ về đạo trung quân. Cuối thế kỷ XIX, khi buộc phải lựa chọn giữa trung quân với ái quốc, những nhà Nho thức thời đã không ngần ngại từ bỏ trung quân và đặt chữ ái quốc lên hàng đầu. Rõ ràng phạm vi của đạo trung đã được Nguyễn Đình Chiểu phát triển lên khi ông gắn nó với lợi ích quốc gia, dân tộc.

*3.2.1.3. Sự thay đổi tính chất đạo trung trong phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX không đơn thuần là trung vua mà là trung với nước.* Phong trào Cần vương đã chứng minh sự thay đổi tính chất quan niệm trung - nghĩa "vì vua" - "vì nước" của các nhà Nho. Họ có một thái độ sống cao đẹp: dám chết cho đại nghĩa, sẵn sàng chết để cứu nước, cứu dân. Bởi vì, họ có chung nỗi đau mất nước, nỗi đau này còn lớn hơn cả tư tưởng trung quân mà họ được giáo dục nhiều năm. Đây cũng là minh chứng cho sự thay đổi tư tưởng trung quân của một số nhà Nho là văn thân chứ không phải là những võ tướng như thời kỳ đầu kháng Pháp nữa.

Các nhà Nho Cần vương đã thể hiện một quan niệm về đạo "trung" hết sức mới mẻ, họ đề cao tư tưởng trung quân nhưng trung ở đây là trung với vua Hàm Nghi, thực chất cũng là trung với cuộc kháng chiến chống Pháp. Đối với thứ vua theo giặc như Đồng Khánh thì họ hoặc là bỏ qua, hoặc có nói đến thì thái độ cũng là phê phán, đả kích gay gắt, họ đã tìm ra được sự thống nhất giữa tư tưởng trung quân và ái quốc. Theo vua hay chống vua bây giờ thực chất là vì nghĩa lớn đối với nước. Sang giai đoạn hai của cuộc kháng chiến, đây là giai đoạn Cần vương mà không có vua nữa (khi vua Hàm Nghi bị bắt) thì họ vẫn kiên trì con đường đã chọn ấy bởi họ vẫn còn có đất nước và nhân dân. Vì vậy, chúng tôi có thể khẳng định: tư tưởng trung quân - vì vua đã nhường cho đạo đức trung - nghĩa vì nước, vì dân mà chiến đấu.

### ***3.2.2. Sự thay đổi quan niệm về tính chất đạo hiếu của Nho giáo cuối thế kỷ XIX***

Sự thay đổi tính chất đạo hiếu trong tư tưởng Nho giáo cuối thế kỷ XIX được thể hiện qua tư tưởng của một số nhân vật tiêu biểu như sau:

#### ***3.2.2.1. Sự thay đổi về tính chất đạo hiếu của Nguyễn Đình Chiểu.***

Ông vốn xuất thân từ Nho gia, bị ràng buộc bởi những giáo điều của Nho giáo, nhưng tư tưởng của ông lại mang ý thức hệ của nhân dân, mang tinh thần đấu tranh của nhà Nho yêu nước. Tính chất đạo hiếu của Nguyễn Đình Chiểu có sự thay đổi cho dù bị ràng buộc nhiều bởi lễ giáo nghiêm khắc của đạo Nho về việc người con hiếu thảo phải biết giữ gìn thân thể mà cha mẹ

đã cho mình (bảo thân). Nhưng khi phải đối mặt với cái chết để bảo vệ non sông đất nước, nhiều sỹ phu yêu nước sẵn sàng không làm tròn phận tóc da, dứt bỏ đạo hiếu lớn nhất đối với mẹ cha, sẵn sàng hy sinh thân thể mình để đặt nghĩa vụ cứu nước, cứu dân lên trên hết. Đây cũng là một thay đổi rất quan trọng trong quan niệm về đạo hiếu nghĩa của Nho giáo thời kỳ này.

Đạo hiếu trong quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu còn thể hiện tình cảm thiết tha, vượt lên trên mọi quan niệm đối xử thông thường. Ông đã tiếp thu một cách sáng tạo phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nhưng không còn theo lý thuyết Nho giáo gò bó, áp đặt cứng nhắc theo kiểu phong kiến mà được khúc xạ đến mức khó nhận ra. Với ông, hiếu đạo là cái toả sáng trong tâm hồn mỗi con người đã vượt lên trên tư tưởng Nho giáo truyền thống mang sắc thái riêng rất tiền bộ. Đạo hiếu mà Nguyễn Đình Chiểu đã đối lập với đạo "hiếu" mà triều đình Huế rất đề cao. Nhà Nguyễn đề cao chữ "hiếu" vì đề phòng thanh niên bỏ nhà đi theo quân khởi nghĩa chống lại triều đình. Vua quan nhà Nguyễn nhấn mạnh chữ "hiếu", nhưng không phải là họ coi nhẹ chữ "trung" dạy điều hiếu để làm tôi trung là phép lớn của triều đình.

#### *3.2.2.2. Sự thay đổi về tính chất đạo hiếu của Đặng Huy Trứ*

Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) là một nhà Nho - một trí thức yêu nước đứng về phe chủ chiến. Ông coi trọng đạo hiếu, nhưng trong tâm thức và xuất xử đã mềm dẻo hơn. Điểm mới của Đặng Huy Trứ là ông coi dân là người nuôi mình, từ miếng cơm ăn đến tấm áo mặc đều từ mồ hôi của dân mà có, nên ông tâm niệm phải trả nghĩa cho dân, hết lòng vì dân, sống cuộc sống khổ cực như dân mọn, ông thường: Thức đến tàn canh dậy trước lại, Ăn rảnh một món khổ cùng dân. Làm quan đối với ông không phải là cha mẹ dân mà chỉ làm con dân mọn mang cái ý con phụng dưỡng cha mẹ, ông nguyện cung cúc tận tụy dưới gối dân để hầu hạ phục vụ. Cách yêu dân của ông có điểm khác các Nho sĩ cùng thời ở chỗ đó. Quan niệm về hiếu với dân như vậy chưa có trong quan niệm Nho giáo Trung Quốc. Quan niệm của ông khác với quan niệm cũng coi dân là gốc của Tự Đức, nhưng Tự Đức lại tự cho mình là cha mẹ của dân, trong khi Đặng Huy Trứ thì yêu dân kính dân như cha mẹ mình thì chắc chắn cách hành xử với dân cũng hoàn toàn khác nhau. Đây là hai quan niệm hai luồng tư tưởng khác nhau cho dù cùng quan niệm dân là gốc, nhưng quan niệm của Đặng Huy Trứ đã mở rộng phạm vi hiếu ra rất nhiều, là hiếu đạo với dân, trả nghĩa cho dân. Đạo hiếu của Đặng Huy Trứ đã thay đổi về tính chất, nó không đơn thuần trong khuôn khổ phong kiến nữa, nó không còn là tính một chiều của kẻ dưới với bề trên, của vua quan đối với con dân nữa. Đạo hiếu của Đặng Huy Trứ, theo chúng tôi nó gần giống tư tưởng hiếu với dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì vậy, có thể khẳng định: Sự thay đổi về đạo hiếu của Đặng Huy Trứ khi nó gắn với lợi ích của dân đã mang trong nó tính nhân dân sâu sắc.

Tóm lại, khái niệm "trung", "hiếu" dưới thời Nguyễn trở thành một mệnh lệnh đạo đức, phản ánh kỳ vọng của một triều đại phong kiến. Trong

thế kỷ XIX, bối cảnh lịch sử Việt Nam và thế giới có nhiều biến động lớn, thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhà Nguyễn thất bại, đầu hàng giặc kéo theo sự sụp đổ của nền Nho giáo mới được tôn lên địa vị thống trị. Khái niệm “trung”, “hiếu” đã có nhiều thay đổi được thể hiện qua tư tưởng của nhiều người vốn xuất thân từ Nho sĩ. Họ đã vì nhân dân liên tiếp nổi lên chống lại triều đình hèn nhát đã đầu hàng giặc. Vì vậy, trong nhận thức của họ về đạo đức đã có những thay đổi khi thời cuộc có những biến đổi mới mẻ và nhanh chóng.

### ***3.2.3. Sự thay đổi quan niệm về tính chất đạo nghĩa trong tư tưởng Nho giáo cuối thế kỷ XIX***

Cuối thế kỷ XIX việc gắn "trung với nghĩa" thể hiện rõ nhất vào thời kỳ vua Hàm Nghi cùng với Tôn Thất Thuyết hô hào Cần vương - giúp vua kháng chiến chống Pháp. Một số nhà Nho hưởng ứng chiếu Cần vương đứng lên cứu nước, ấy là "trung quân" gắn với nghĩa vụ phải cứu dân, cứu nước, nên khái niệm trung - nghĩa của Nho giáo thời kỳ này mang một màu sắc hoàn toàn mới. Sự thay đổi tính chất đạo nghĩa trong tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX được thể hiện rõ nét ở hai giai đoạn như sau:

*3.2.3.1. Ở giai đoạn đầu của phong trào Cần vương, khi vua Hàm Nghi chưa bị bắt.* Phong trào yêu nước trên lập trường phong kiến dưới danh nghĩa Cần vương cuối thế kỷ XIX đã tập hợp được đông đảo tầng lớp văn thân sĩ phu tham gia với tấm lòng yêu nước sắt son, quên mình vì nghĩa lớn. Họ đánh giặc cứu nước và sáng tác thơ văn cũng là để góp phần đánh giặc cứu nước thực hiện lí tưởng vì nghĩa của người anh hùng thời loạn. Tất cả đều dần bước trên con đường tranh đấu với tinh thần “xả sinh thủ nghĩa” (quên thân vì đại nghĩa). Trung với vua cũng là có nghĩa với nước, là yêu nước, yêu dân.

*3.2.3.2. Ở giai đoạn sau của phong trào Cần vương, khi vua Hàm Nghi bị bắt.* Cuối thế kỷ XIX có một việc lạ lùng hơn là “Cần vương” mà không có vua (khi vua Hàm Nghi đã bị giặc bắt, bị đày ra nước ngoài), thậm chí, phong trào Cần vương lúc đó lại mạnh mẽ hơn. Thực ra thì đạo nghĩa của thời đại này ở Việt Nam còn rộng hơn nhiều, nó vượt cái khung phong kiến, Nho giáo đặt nó ở trong nghĩa vụ con người ràng buộc con người vào Ngũ luân. Có thể nói, cuối thế kỷ XIX, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt và thời thế đã đem lại cho đạo nghĩa một nội dung cực kỳ phong phú và cao quý. Theo chúng tôi, đây là một sự thay đổi rất lớn trong quan niệm về đạo đức trung - nghĩa bởi vì không còn vua nhưng họ vẫn chiến đấu hướng vào nghĩa, nhấn mạnh nghĩa để gắn liền với trung. Các nhà Nho Cần vương đã nhằm đúng vấn đề cốt tử nhất của yêu cầu lịch sử trong giai đoạn này.

Theo chúng tôi, đây là chính là sức hấp dẫn nhất của đạo đức trung - nghĩa trong phong trào Cần vương chính là cái đẹp đáng trân trọng - hiện thân sinh động nhất của đạo nghĩa. Đó là nghĩa cứu nước, cứu dân, cái nghĩa đáng làm. Với người nghĩa dân thì vì *mến nghĩa làm quân chiêu mộ*. Với người

nghĩa tướng thì vì nghĩa mà *đền nợ núi sông một lòng chịu chết*. Vì nghĩa mà gần kề cái chết, người anh hùng vẫn không một lời oán thán, mà chỉ bản khoán, day dứt bởi đã không hoàn thành trách nhiệm với nước, với dân chứ không phải trách nhiệm trung với vua như các triều đại phong kiến trước.

### **Tiểu kết chương 3**

Về tư tưởng đạo đức của Nguyễn Đức Đạt thể hiện những giá trị nhất định, quả là táo bạo và mang ý nghĩa tích cực. Về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật đã mạnh mẽ những yếu tố mới mang tính chất tư sản như, đề cao luật pháp bình đẳng vua tôi trong xã hội. Dù rằng các tư tưởng này còn rất sơ khai và chưa hoàn chỉnh bởi nhiều yếu tố, nhưng thực sự là có những “thay đổi” về tư tưởng lập pháp thời kỳ đó.

Về quan niệm trung - nghĩa, yêu nước thời kỳ này đã có sự thay đổi về đạo trung quân, trung với vua không phải là một sự trung quân mù quáng, bề tôi đã chống lại mệnh lệnh của vua vẫn được ca ngợi là trung. Đạo trung trong đạo đức Nho giáo Việt Nam xuất phát từ một điều thiết thực và thiêng liêng hơn, đó là nền độc lập của đất nước. Đạo trung dưới cái nhìn của các nhà nho yêu nước như là một thứ vũ khí truyền thống để làm việc nghĩa - chính là cuộc chiến chống lại kẻ thù, bảo vệ Tổ quốc. Họ để lại những giá trị về tinh thần trung - nghĩa bất tử với những hoài bão lớn giúp dân, giúp nước, giúp đời sẵn sàng tự nguyện “*đầu bút tòng nhung*” để cứu nước. Họ đã gặp nhau trong tư tưởng “*Cân vương*” - “*hộ quốc*”, để rồi trong cuộc đời hành nghĩa, họ luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm của người trí thức trước các yêu cầu bức thiết của lịch sử. Trước vận mệnh nguy nan của dân tộc các văn thân, võ tướng đã đặt tư tưởng trung quân xuống hàng thứ yếu. Hành động của họ khẳng định những thay đổi trong đạo đức trung - nghĩa đã thấm đậm tinh thần yêu nước, thương dân, kiên quyết chống Pháp cuối thế kỷ XIX.

## **Chương 4**

### **Ý NGHĨA CỦA SỰ THAY ĐỔI TRONG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX**

**4.1. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo trung- hiếu - nghĩa của Nho giáo đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX.**

**4.1.1. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo trung - nghĩa của Nho giáo đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX**

Ngay từ khi du nhập vào Việt Nam đạo trung - nghĩa của Nho giáo giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tư tưởng của xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, Nho giáo ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đạo trung - nghĩa đã có nhiều thay đổi, bởi xã hội Việt Nam thời kỳ này có sự biến động lớn. Sự thay đổi được thể hiện tập trung ở một số khía cạnh sau:

*Một là, đạo trung - nghĩa đã có tác dụng lớn lao là lời hiệu triệu, cổ kết và khích lệ tinh thần yêu nước chống Pháp.* Trung - nghĩa thời kỳ này mang màu sắc mới khiến nhiều sĩ phu sẵn sàng xả thân vì nghĩa. Có nhiều nhà Nho

đã đứng về phía nhân dân đứng lên khởi nghĩa chống lại triều đình hèn nhát đầu hàng giặc, họ được nhân dân ủng hộ nhiệt tình, nhưng lại bị triều đình coi là bất trung, bất nghĩa. Nếu như ở giai đoạn trước đạo đạo trung gắn với vua thì đến cuối thế kỷ XIX đã có sự chuyển biến căn bản - nước đã được đặt lên trên vua. Đạo trung - nghĩa đã có tác dụng lớn lao là lời hiệu triệu nhân dân tiếp tục đứng lên kháng chiến chống Pháp để giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX.

*Hai là, đạo trung - nghĩa được thực hiện một cách có điều kiện, hợp lẽ phải.* Sự tự bộc bạch ấy của những con người trung - nghĩa cũng chính là sự khẳng định vẻ đẹp của đạo nghĩa với dân với nước, sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn “*nó đặt nghĩa lớn đất nước lên trên quyền lợi của cá nhân, lên trên cả tính mạng của mình.*” Điều này rất có ý nghĩa khi cuối thế kỷ XIX chúng ta thấy ảnh hưởng của Tống Nho rất mạnh. Chế độ quân chủ chuyên chế và quyền uy Tự Đức được đề cao tuyệt đối, nhưng rất nhiều sĩ phu vẫn đứng lên chống lại chiếu chỉ của vua, khởi nghĩa kháng Pháp. Vậy các sĩ phu dựa vào cái gì để chiến đấu? Đạo trung quân chăng? Theo chúng tôi là không phải, mà đó phải là đạo nghĩa mới đúng nhất, chính xác nhất, hợp lý nhất.

*Ba là, đạo trung - nghĩa dùng để phân biệt việc phải trái, việc cần phải làm ở đời mà không kể đến thành bại.* Các nhà Nho Cần vương một mặt đề cao tư tưởng sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn hướng đến một tư tưởng phổ biến “*chớ đem thành bại luận anh hùng*” khẳng định một quyết tâm đánh địch đến cùng. Các nhà Nho dù biết trước rằng có thể thất bại, sẽ thất bại nhưng không vì thế mà sợ hãi. Đó là tư tưởng con người trung - nghĩa nhiệt thành cứu nước, bởi tình yêu Tổ quốc thiết tha. Còn đạo nghĩa trong tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX giúp cho con người ta biết phân minh việc phải trái, việc cần phải làm ở đời, đạo nghĩa gắn liền với ái quốc yêu dân, vì nghĩa mà chiến đấu.

#### **4.1.2. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo trung - hiếu của Nho giáo đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX được thể hiện ở hai khía cạnh như sau**

*Một là, sự thay đổi đó làm cho tính kinh viện giáo điều về đạo hiếu của triều đình càng bộc lộ rõ nét.* Nhà nước bằng pháp luật thể chế hóa tư tưởng đạo đức Nho giáo, tư tưởng giáo dục không thoát khỏi tình trạng chung nên chế độ thi cử của nhà Nguyễn chịu ảnh hưởng lớn về tính kinh viện giáo điều về đạo hiếu của Nho giáo để thực hiện đạo thánh hiền, để thực hiện trong thực tiễn những lời giáo huấn của thánh nhân đối với con người. Thời kỳ này đạo trung hiếu là công cụ rất hữu hiệu để triều đình duy trì trật tự xã hội. Các Nho sĩ Việt Nam khi tiếp nhận Nho giáo, cũng xây dựng tinh thần trung hiếu, nhưng không mù quáng chỉ có trung quân mà vẫn lựa chọn sự mở rộng phạm trù hiếu một cách phù hợp với thời đại.

*Hai là, sự thay đổi đó đã bóc trần cái vỏ duy tâm thần bí về đạo hiếu của triều đình.* Các vua Nguyễn luôn yêu cầu quan lại đại thần của mình noi theo các tấm gương Trung Quốc cổ đại. Toàn bộ vua quan nhà Nguyễn đã

thâm nhuần tư tưởng Âm dương, ngũ hành, noi gương Nghiêu, Thuần, tư tưởng bao trùm lên triều đình là “xưa hơn nay” làm cho tư tưởng tự ti, bất lực của các vua Nguyễn càng trở nên mạnh hơn. Giá trị trung quân thuần túy trong đạo đức Nho giáo Trung Quốc với những quan niệm duy tâm thần bí của đạo đức Nho giáo đã được triều Nguyễn tìm mọi cách để khôi phục che đậy nhưng đã bị bóc trần.

Tóm lại, tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX, chúng ta sẽ thấy tư tưởng trung hiếu thông trị thời kỳ này là sự biến dạng của Tống Nho. Cũng chính vì quá đề cao vai trò của vua mà Nho giáo thường có ý nhất thể hóa trung với hiếu, thậm chí cho rằng mở rộng đạo hiếu cũng chính là trung.

#### **4.2. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo trung - hiếu - nghĩa của Nho giáo cuối thế kỷ XIX đối với xã hội Việt Nam hiện nay**

##### **4.2.1. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo trung của Nho giáo cuối thế kỷ XIX đối với xã hội Việt Nam hiện nay**

Trong lịch sử, Hồ Chí Minh được xem là đỉnh cao của sự vận dụng, kế thừa và phát triển một cách sáng tạo tư tưởng đạo đức của Nho giáo. Giá trị đạo đức trung - hiếu - nghĩa trong thời đại mới bao gồm những nội dung cơ bản sau:

*Một là, phải “trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng”.* Hồ Chí Minh cũng là một nhà Nho và Người đã vận dụng một cách sáng tạo, xuất sắc đạo “trung” trong đạo đức Nho giáo. Hồ Chí Minh đã gạt bỏ cái cốt lõi nhất trong Nho giáo là lòng trung thành tuyệt đối với ông vua phong kiến mà cần trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân. Xã hội ngày nay, có một số người vì chút lợi ích vật chất sẵn sàng bỏ quê hương, bán rẻ Tổ quốc để phục vụ cho các tổ chức phản động.

*Hai là, sẵn sàng đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết.* Thực trạng xã hội ta hiện nay cho thấy ngày càng nhiều hiện tượng tham nhũng, bòn rút của công để làm của riêng và có không ít trường hợp vì lợi ích của bản thân, gia đình mà coi thường lợi ích quốc gia đi ngược lại lợi ích dân tộc

##### **4.2.2. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo hiếu của Nho giáo cuối thế kỷ XIX đối với xã hội Việt Nam hiện nay.**

*Một là, đạo hiếu không giới hạn trong phạm vi gia đình mà được mở rộng hơn.* Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: “Ngày xưa hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi...Ngày nay hiếu là hiếu với nhân dân; ta thương cha mẹ ta, mà còn phải thương cha mẹ người, phải làm cho mọi người đều biết thương cha mẹ, đó mới là đạo hiếu rộng lớn. Đạo hiếu đã được làm mới trên cơ sở phát huy những giá trị tốt đẹp vốn có, hiếu với dân cũng chính là biểu hiện cao nhất của lòng yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng vượt ra khỏi phạm vi giữa con cái với cha mẹ.

*Hai là, đạo hiếu mới sâu sắc có tính lan tỏa, đó là hiếu với dân, đạo hiếu gắn liền với hàng trăm, hàng ngàn cha mẹ khác.* Như vậy, phải hiểu “hiếu với dân” một cách rộng rãi, không được hiểu một cách xơ cứng, thụ

động, đạo hiếu đã phát triển lên một tầm cao mới. Phải hiểu đạo hiếu của cách mạng rộng rãi như vậy.

#### **4.2.3. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo nghĩa của Nho giáo cuối thế kỷ XIX đối với xã hội Việt Nam hiện nay**

Một là, ý nghĩa của sự thay đổi đạo nghĩa của Nho giáo cuối thế kỷ XIX đối với thanh niên ở xã hội Việt Nam hiện nay. Giá trị đạo đức truyền thống là lý tưởng mà mỗi thanh niên phải hiểu rõ, thấm nhuần để từ đó học tập và làm theo để có phẩm chất đạo đức tốt đẹp, có lý tưởng sống đúng đắn.

Hai là, ý nghĩa của sự thay đổi đạo nghĩa của Nho giáo cuối thế kỷ XIX đối với thực trạng đạo đức ở xã hội Việt Nam hiện nay. Đạo nghĩa bao quát nhiều mối quan hệ như là nghĩa cha con, nghĩa chồng vợ, nghĩa thầy trò, anh em cốt nhục đồng bào. Mọi sự đều phải có nghĩa thì mới thể hiện vai trò, trách nhiệm của con người với người, giữa người với đời, với xã hội hiện tại.

#### **Tiểu kết chương 4**

Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX đã có nhiều thay đổi, bởi xã hội Việt Nam thời kì này có sự biến động lớn. Ý nghĩa của sự thay đổi đạo trung - hiếu - nghĩa của Nho giáo được thể hiện như sau:

Một là, ý nghĩa của sự thay đổi về đạo trung - nghĩa, yêu nước của các nhà Nho là một bản anh hùng ca bất hủ của dân tộc Việt Nam trong công cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp. Về thay đổi đạo đức trung - nghĩa trong phong trào Cần vương đã được thể hiện rõ nét ở việc giải quyết mối quan hệ giữa “trung” và “nghĩa”. Các bậc chân Nho đã quyện chặt hai phẩm chất “trung - nghĩa” trong lối hành xử của người quân tử. Đạo “trung” là nền tảng đạo lí cho đạo “nghĩa” tỏa sáng, đạo “nghĩa” làm nổi bật con người Việt Nam trong một thời kỳ lịch sử bi hùng mà vĩ đại. Tuy nhiên, tất cả các cuộc khởi nghĩa đều thất bại, đã chứng tỏ sự cáo chung của hệ tư tưởng phong kiến bất lực trước nhiệm vụ lịch sử của đất nước. Thời thế đã thay đổi nên rất cần một hệ tư tưởng mới đủ sức lãnh đạo cách mạng đã được các thế hệ sau mà người tiêu biểu nhất là Hồ Chí Minh đã vận dụng thành công vào xã hội Việt Nam.

Hai là, chúng tôi có một vài ý kiến về vấn đề phát huy những nhân tố tích cực của tư tưởng đạo đức Nho giáo trong xã hội hiện nay khi nhiều giá trị đạo đức truyền thống bị lung lay, ta mới thực sự nhớ về tinh thần của Nho giáo nói chung và tinh thần đạo đức trung hiếu của Nho giáo nói riêng. Nếu gạt sang một bên những hạn chế, chúng ta vẫn thấy ý nghĩa nhất định của nó trong thời đại mới. Xã hội nếu không có đạo đức sẽ là một trở ngại lớn trong việc củng cố, duy trì đạo làm người trong thời hiện đại. Khi đạo đức trong tầng lớp thanh niên hiện nay có chiều hướng đi xuống làm chúng ta nhớ lại những giá trị tốt đẹp trong đạo đức Nho giáo. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi trong định hướng giá trị nhân cách của người Việt Nam. Vì vậy, nó càng đòi hỏi mỗi thanh niên cần phải kế thừa và phát triển các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà chứa đựng trong đó tinh thần trung - hiếu - nghĩa mới, năng động, phù hợp với thời đại ngày nay.



## KẾT LUẬN

Nho giáo là một học thuyết chính trị - đạo đức được hình thành từ thời cổ đại ở Trung Quốc. Trong quá trình tồn tại, dưới tác động của nhiều yếu tố, Nho giáo cũng có những thay đổi nhất định, theo đó đạo đức trung - hiếu - nghĩa của Nho giáo cũng biến đổi qua từng thời kỳ lịch sử. Ở Việt Nam, đạo đức Nho giáo nói chung và đạo đức trung - hiếu - nghĩa nói riêng có nhiều biến đổi so với Nho giáo Trung Quốc. Đặc biệt, có không ít nhà Nho Việt đã mở rộng và phát triển đạo đức trung - hiếu - nghĩa ra ngoài phạm vi kinh điển của nó và nâng nó lên một tầm cao mới phù hợp với đạo lý của con người Việt Nam. Trung, hiếu, nghĩa trong Nho Việt đã thay đổi với tinh thần mới, trung là trung thành với lợi ích của quốc gia dân tộc, hiếu là hiếu với nhân dân, nghĩa với đồng bào mình.

1. Trong lịch sử Việt Nam, đạo đức trung hiếu của Nho giáo thường được gắn với nghĩa và được luật hóa để quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, bổn phận của con người. Nho giáo đưa ra những chuẩn mực đạo đức bất di bất dịch, với mục đích bảo vệ quyền lợi của giai cấp phong kiến thống trị, nhằm biến đạo đức Nho giáo thành công cụ quản lý xã hội và giáo dục con người. Nửa cuối thế kỷ XIX, do sự xâm lược của thực dân Pháp đã làm thay đổi cơ bản hình thái ý thức xã hội Việt Nam. Trong hệ tư tưởng đạo đức Nho giáo thời kỳ này đã có một số thay đổi, chuyển biến trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa của các sỹ phu tâm huyết với đất nước có ý nghĩa báo hiệu, chuẩn bị cho sự thay đổi rộng lớn hơn vào đầu thế kỷ sau. Cuối thế kỷ XIX, sự tác động qua lại giữa tồn tại xã hội ở Việt Nam đối với ý thức xã hội mà nền tảng kiến trúc thượng tầng là hệ tư tưởng Nho giáo cũng có sự ảnh hưởng nhất định, nhưng không đủ mạnh để làm thay đổi được thực trạng xã hội lúc đó, nên theo chúng tôi những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo cuối thế kỷ XIX có tính chất cải lương.

2. Về những thay đổi trong đạo đức trung - nghĩa của các nhà Nho Cần vương rất đáng được trân trọng. Đó là mẫu hình người anh hùng trong thời đại bi hùng luôn tỏa sáng bởi khí tiết cao cả, chứng tỏ sự trỗi dậy mãnh liệt của tinh thần trung - nghĩa. Ở thời kỳ này, đạo đức trung - nghĩa có nhiều thay đổi, biểu hiện ở nhiều trạng thái khác nhau. Có người trung với ông vua yêu nước như Phan Đình Phùng, có người không trung với vua chống lại chiếu chỉ của Tự Đức nhưng vẫn được đánh giá là trung - nghĩa, được người đời ca ngợi như Trương Định. Có một trạng thái nữa là có người lợi dụng trung vua, thậm chí trung quân mù quáng nhưng không yêu nước, sợ hãi đầu hàng giặc như Phan Thanh Giản, Tôn Thọ Tường. Tuy nhiên, những người trung - nghĩa yêu nước đó do sự bế tắc của thời đại, sự phản động của giai cấp thống trị, sự lỗi thời của hình thái xã hội phong kiến đã khiến những trái tim đầy nhiệt huyết ấy phải đớn đau, bi phần. Hoài bão cứu nước, cứu dân không thành nhưng vẫn minh chứng rõ nét cho sự đổi thay đạo đức trung - nghĩa của các nhà Nho yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX ở nước ta.

Về các giá trị đạo đức, chúng tôi khẳng định một lần nữa rằng, đạo đức là vòng khâu trung gian kết nối các giá trị phẩm cách của con người. Truyền thống dân tộc Việt Nam ta từ ngàn xưa đến nay vẫn xem đạo đức là cái gốc của con người. Bởi vì, gốc có vững thì cành lá mới tốt tươi. Con người có đạo đức thì mới có thể học tập, lao động và cống hiến cho đất nước, cho xã hội. Nội dung hiện đại của đạo đức trung hiếu vẫn giữ nguyên giá trị với lời dạy mang tính tổng kết của Bác, trung với nước, hiếu với nhân dân. Trong nội dung đạo đức trung - hiếu - nghĩa, giá trị cá nhân, gia đình, xã hội nằm trong một khối thống nhất biện chứng không thể tuyệt đối hóa một giá trị riêng biệt nào. Theo ý kiến của riêng tôi, sự trường tồn của một dân tộc cũng không còn, một khi ân đức, tình nghĩa đối với các thế hệ cha ông trước đây bị rơi vào lãng quên và nguy hiểm hơn là bị phủ định.

Chúng tôi cho rằng, ý tưởng và kết quả nghiên cứu những thay đổi trong tư tưởng đạo đức Nho giáo Việt Nam cuối thế kỷ XIX mà luận án làm được chỉ là bước đầu. Bởi vì, đạo đức Nho giáo bao gồm nhiều nội dung và nhiều quan điểm khác nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ, có mối liên hệ nội tại với nhau. Tuy nhiên, quan niệm về đạo trung - hiếu, trung - nghĩa, hiếu - nghĩa là những phạm trù cơ bản nhất trong tư tưởng đạo đức của Nho giáo, đặc biệt là Nho giáo Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX. Mặt khác, do dung lượng của một luận án không cho phép chúng tôi trình bày tất cả phạm trù khác như: nhân, lễ, trí, dũng...mà chỉ tập trung chủ yếu nghiên cứu những thay đổi trong quan niệm về đạo trung - hiếu - nghĩa qua tư tưởng và hoạt động thực tiễn của một số nhà Nho tiêu biểu ở giai đoạn này. Đạo đức trung - hiếu - nghĩa cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, các vấn đề chưa được làm rõ thì cần có thêm nhiều công trình nghiên cứu khác nữa, đặc biệt là sự thay đổi của nó ở Việt Nam trong quá trình tiếp biến với những giá trị văn hóa nước ngoài từ trước tới nay.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.**

1. Mai Vũ Dũng (2008), “Quan niệm của Nguyễn Đức Đạt về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong “ Nam Sơn tùng thoại”, *Tạp chí Triết học* (6), tr.59 - 64.
2. Mai Vũ Dũng (2013), “Những thay đổi trong quan niệm về trung, hiếu, đức trị của Nguyễn Đức Đạt qua “ *Nam Sơn tùng thoại*”, *Tạp chí Triết học* (5), tr. 77 – 83.
3. Mai Vũ Dũng (2015), Một số thay đổi về nhận thức trong quan niệm của các nhà Nho Việt Nam cuối thế kỷ XIX, *Tạp chí Giáo dục lý luận* (227), tr. 44– 46.